

## 6. Cấu trúc uyển chuyển

- 6.1 cấu trúc của chữ ghép
- 6.2 cấu trúc của câu
- 6.3 Tiếng Việt biến hóa

### 6.1 Cấu trúc của chữ ghép

Tiếng Việt là ngôn ngữ *đa từ (polylexemic)*. Điều đó có nghĩa là, Tiếng Việt thường do nhiều *chữ (word)* ghép lại để tạo nên một nghĩa. Tiếng Việt ngày nay chỉ có khoảng 13,000 *chữ chiếc (simple word)*. Bởi đặc tính đa từ của Tiếng Việt, số lượng chữ chiếc này có thể tạo ra một con số rất lớn các *chữ ghép (compound word)*.

Tiếng Việt thuần không đủ dùng, nên Người Việt phải mượn rất nhiều Chữ Hán của Tàu (khoảng trên 35%), phát âm theo Tiếng Việt, và được gọi là Tiếng Hán Việt. Người đọc có thể xem Phụ bản 8C. *Tỷ lệ Hán Việt trong Tiếng Việt* (Trang 440).

Tiếng Việt và Tiếng Hán có cấu trúc ngược với nhau, nên có khi Tiếng Hán Việt được giữ nguyên cấu trúc Hán, và có khi được đổi thành cấu trúc Việt. Tiếng Việt ngày nay có 4 loại **chữ ghép căn bản**, theo 2 cấu trúc khác nhau:

- |   |                                   |                  |
|---|-----------------------------------|------------------|
| 1 | <i>Chữ Việt thuần</i>             | (cấu trúc Việt)  |
| 2 | <i>Chữ Hán Việt</i>               | (cấu trúc Hán)   |
| 3 | <i>Chữ Hán Việt được Việt hóa</i> | (cấu trúc Việt)  |
| 4 | <i>Chữ pha trộn Hán và Việt</i>   | (cấu trúc Việt). |

**Cấu trúc Việt** ⇒ *chữ chính + chữ phụ*

**Cấu trúc Hán** ⇒ *chữ phụ + chữ chính.*

Ngoài 4 loại chữ ghép căn bản trên đây, Tiếng Việt còn có 3 loại **chữ ghép đặc biệt**:

- 5 *Chữ đôi ba rọi*  
 6 *Chữ đôi đảo ngược*  
 7 *Chữ đôi tách rời.*

## Chữ ghép căn bản

### 1. Chữ Việt thuần (cấu trúc Việt)

Chữ ghép	<i>chữ chính</i>	<i>chữ phụ</i>
<i>thuốc bổ gan</i>	<i>thuốc</i>	bổ gan
<i>người đọc</i>	<i>người</i>	đọc
<i>nhà chọc trời</i>	<i>nhà</i>	chọc trời
<i>mì ăn liền</i>	<i>mì</i>	ăn liền
<i>chuyện đời xưa</i>	<i>chuyện</i>	đời xưa

### 2. Chữ Hán Việt (cấu trúc Hán)

Chữ ghép	<i>chữ phụ</i>	<i>chữ chính</i>
<i>nguyên tử</i>	nguyên	<i>tử</i> (hạt)
<i>nguyên tử lực</i>	nguyên tử	<i>lực</i> (sức mạnh)
<i>nguyên tử lực cuộc</i>	nguyên tử lực	<i>cuộc</i> (cơ quan)
<i>phát ngôn viên</i>	phát ngôn	<i>viên</i> (người)
<i>hàng không mẫu hạm</i>	hàng không	<i>mẫu hạm</i> (tàu lớn)

### 3. Chữ Hán Việt được Việt hóa (cấu trúc Việt)

Việt hóa bằng cách lật ngược Chữ Hán Việt, để thành cấu trúc Việt.

Chữ Hán Việt	Việt hóa
<i>kịch bản</i>	bản kịch
<i>dân ý</i>	ý dân
<i>cao độ</i>	độ cao
<i>khoa trường</i>	trường khoa
<i>dương điện</i>	điện dương

### 4. Chữ pha trộn Hán và Việt (cấu trúc Việt)

Chữ Hán Việt	Chữ pha trộn
<i>phát ngôn viên</i>	<u>người</u> phát ngôn (lật ngược thứ tự, nếu <i>không phải động từ</i> )
<i>nhân tính</i>	tính <u>người</u>
<i>tàu quán</i>	quán <u>rượu</u>
<i>tụng kinh</i>	<u>đọc</u> kinh (giữ nguyên thứ tự, nếu là <i>động từ</i> )
<i>đoạn tình</i>	<u>đứt</u> tình

## Chữ ghép đặc biệt

### 5. Chữ đôi ba rọi

Là chữ đôi gồm *hai chữ cùng nghĩa*, một Việt một Hán, hoặc một Việt một Pháp, nhưng không đứng theo thứ tự nhất định. Chữ đôi ba rọi Việt Hán là nhiều nhất, kể đó là chữ đôi ba rọi Việt Pháp.

Ví dụ

<b>Chữ đôi ba rọi</b>	<b>Việt</b>	<b>Hán</b>	
rối loạn	<i>rối</i>	loạn	
sợ hãi	<i>sợ</i>	hãi	
đơn chiếc	<i>chiếc</i>	đơn	
thâm sâu	<i>sâu</i>	thâm	
binh lính	<i>lính</i>	binh	
hung dữ	<i>dữ</i>	hung	
đường lộ	<i>đường</i>	lộ	
báo đèn	<i>đèn</i>	báo	
thì giờ	<i>giờ</i>	thì	
tinh rỗng	<i>rỗng</i>	tinh	
giả dối	<i>dối</i>	giả	
quán tiệm	<i>tiệm</i>	quán	
nghi ngờ	<i>ngờ</i>	nghi	
in ấn	<i>ấn</i>	ấn	
bông hoa	<i>bông</i>	hoa	
.....			
	<b>Việt</b>	<b>Pháp</b>	
xe ô-tô	<i>xe</i>	ô-tô	(automobile)
cải xà lách	<i>cải</i>	xà-lách	(salade)
trứng ốp-la	<i>trứng</i>	ốp-la	(œufs sur plat)
xe cam-nhông	<i>xe</i>	cam-nhông	(camion)
khăn mu-soa	<i>khăn</i>	mu-soa	(mouchoir)
kính lúp	<i>kính</i>	lúp	(loupe)
đồn bót	<i>đồn</i>	bót	(poste)
áo sơ-mi	<i>áo</i>	sơ-mi	(chemise)
tiền còm	<i>tiền</i>	còm	(commission)
.....			

Hiện tượng này có thể được hiểu như sau:

- Để tránh lối nói cộc lốc của ngôn ngữ đơn âm, Người Việt thường dùng chữ ghép;
- Chịu ảnh hưởng Hán Việt hàng ngàn năm, rồi sau đó, lại chịu ảnh hưởng Pháp Việt hàng trăm năm, Người Việt đã dùng cùng một lúc ba thứ tiếng: Việt thuần, Hán Việt, và Pháp Việt. Sự pha trộn của nhiều thứ tiếng, đã tạo ra hiện tượng trên.

## 6. Chữ đôi lật ngược

Rất nhiều chữ đôi, khi đảo ngược thứ tự, vẫn có cùng một nghĩa.

nhỏ bé	=	bé nhỏ
giữ gìn	=	gìn giữ
thương yêu	=	yêu thương
đợi chờ	=	chờ đợi
gió mưa	=	mưa gió
dày dạn	=	dạn dày
dâu bể	=	bể dâu
yêu dấu	=	dấu yêu
ốm đau	=	đau ốm
im lặng	=	lặng im
dạt dào	=	dào dạt
ngây thơ	=	thơ ngây
trôi nổi	=	nổi trôi
hẹn hò	=	hò hẹn
mơ mộng	=	mộng mơ
.....		

Tuy nhiên, một số chữ đôi, khi đảo ngược thứ tự, sẽ có ý nghĩa khác hẳn.

tổ quốc	≠	quốc tổ
chánh quy	≠	quy chánh
quê nhà	≠	nhà quê
chịu chơi	≠	chơi chịu
dễ thương	≠	thương dễ
khó chịu	≠	chịu khó
ăn nằm	≠	nằm ăn
mê gái	≠	gái mê
nhà thơ	≠	thơ nhà
người vợ	≠	vợ người
.....		

## 7. Chữ đôi tách rời

Chữ đôi có thể bị tách rời bởi hai lý do:

- *Người Việt thích cách nói có vần điệu và êm tai;*
- *Cho phù hợp với luật bằng trắc và âm điệu du dương của thơ.*

6101 *Nào người phượng chạ loan chung*

*Nào người tiếc lục tham hồng là ai?*

Nguyễn Du

**chạ chung = chung chạ.**

Ví dụ trên đây cho thấy một chữ đôi có thể vừa được tách rời, vừa đảo ngược thứ tự.

- 6102 *Nước non cách mấy buông thêu  
 Những là trộm đấu thâm yêu chốc mỏng.*  
 Nguyễn Du  
**đấu yêu = yêu đấu**, chữ đôi tách rời và đảo ngược.
- 6103 *Giìn vàng giữ ngọc cho hay  
 Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.*  
 Nguyễn Du  
**Giìn giữ = giữ gìn**, chữ đôi tách rời và đảo ngược.
- 6104 *Quản bao tháng đợi năm chờ  
 Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thâm.*  
 Nguyễn Du  
**đợi chờ = chờ đợi**, chữ đôi tách rời và đảo ngược.
- 6105 *Nàng rằng: “Trời nhẽ có hay!  
Quyến anh rũ yến sự nầy tại ai?”*  
 Nguyễn Du  
**Quyến rũ = chữ đôi tách rời.**
- 6106 *Hoa trôi bèo giạt đã đành,  
 Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.*  
 Nguyễn Du  
**trôi giạt = chữ đôi tách rời.**
- 6107 *Mặt sao dày gió dạn sương,  
 Thân sao bướm chán ong chường bẩy thân.*  
 Nguyễn Du  
**dày dạn = chữ đôi tách rời;**  
**chán chường = chữ đôi tách rời.**
- 6108 *Những là cười phấn cợt son,  
 Đèn khuya chung bóng trăng tròn sánh đôi.*  
 Nguyễn Du  
**cười cợt = chữ đôi tách rời.**
- 6109 *Biết bao bướm lả ong lơi,  
 Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm.*  
 Nguyễn Du  
**lả lơi = chữ đôi tách rời.**

## 6.2 Cấu trúc của câu

Chữ cho thông tin về một chữ khác, thường đứng liền sau chữ mà nó cho thông tin. Trong Tiếng Việt, chữ cho thông tin về một chữ khác, có thể đứng ở một chỗ bất kỳ:

- 1 *Tĩnh từ có thể đứng trước danh từ;*
- 2 *Tĩnh từ chỉ số đếm có thể đứng sau danh từ;*
- 3 *Trạng từ có thể đứng trước động từ, hay đứng ở đâu đó trong câu.*

Trong Tiếng Việt, các phần tử **chủ từ**, **động từ**, **túc từ**, của mệnh đề hay câu, có thể đứng theo một thứ tự bất kỳ:

- 4 *Túc từ có thể đứng trước động từ;*
- 5 *Động từ có thể đứng trước chủ từ.*

### 1 Tĩnh từ có thể đứng trước danh từ

- 6201 *Lơ thơ dưới núi, tiều vài chú;  
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.  
Bà Huyện Thanh Quan*

Động từ đặc biệt **thì** tính lược, và viết theo chiều xuôi, sẽ là:

*Vài chú tiều [thì] lơ thơ dưới núi;  
Mấy nhà chợ [thì] lác đác bên sông.*

**Lơ thơ dưới núi** = tĩnh từ nhóm, cho thông tin về danh từ *tiều vài chú*;

**Lác đác bên sông** = tĩnh từ nhóm, cho thông tin về danh từ *chợ mấy nhà*.

▲ *Tĩnh từ đứng trước danh từ mà nó cho thông tin.*

- 6202 *Lòng xuân lơ đãng má xuân hồng,  
Cô gái xuân mơ chuyện vợ chồng.  
Đôi tám xuân đi trên mái tóc,  
Đêm xuân, cô ngủ có buồn không?  
Nguyễn Bính*

Viết theo chiều xuôi, sẽ là:

*Cô gái xuân, lòng xuân lơ đãng má xuân hồng, mơ chuyện vợ chồng.  
Đêm xuân, cô, đôi tám xuân đi trên mái tóc\*, ngủ có buồn không?*

\***đôi tám xuân đi trên mái tóc** = mười sáu tuổi (đôi tám = 2 lần 8).

**mơ, ngủ** = 2 động từ;

**Lòng xuân lơ đãng má xuân hồng** = tĩnh từ nhóm, cho thông tin về *Cô gái xuân*;

**Đôi tám xuân đi trên mái tóc** = tĩnh từ nhóm, cho thông tin về *cô*.

▲ *Tĩnh từ đứng trước danh từ mà nó cho thông tin.*

- 6203 *Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi.*  
Xuân Diệu  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Kỹ nữ, mắt run mờ, thấy sông trôi.*  
**thấy** = 1 động từ;  
**Mắt run mờ** = tính từ, cho thông tin về danh từ *kỹ nữ*.  
▲ *Tính từ đứng trước danh từ mà nó cho thông tin.*
- 6204 *Nằm mãi không ngủ được, Ngọc liền dậy đi bách bộ ngoài hiên.*  
Khái Hưng  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Ngọc, nằm mãi không ngủ được, liền dậy đi bách bộ ngoài hiên.*  
**dậy đi** = 1 động từ nhóm.  
**Nằm mãi không ngủ được** = tính từ nhóm, cho thông tin về *Ngọc*.  
▲ *Tính từ đứng trước danh từ mà nó cho thông tin.*
- 6205 *già nhân ngãi non vợ chồng*  
Biểu thức  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*[Kẻ về] nhân ngãi [thì] già; [kẻ về] vợ chồng [thì] non.*  
**già** (cùng nghĩa với **thừa**) = tính từ, cho thông tin về danh từ *nhân ngãi*;  
**non** (cùng nghĩa với **thiếu**) = tính từ, cho thông tin về danh từ *vợ chồng*.  
▲ *Tính từ đứng trước danh từ mà nó cho thông tin.*

## 2 Tính từ chỉ số đếm có thể đứng sau danh từ

- 6206 *Lính thú mười người lạ sóng nước*  
*Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.*  
Tô Thùy Yên. *Trường Sa hành*  
**mười** (có nghĩa là khoảng **mười mấy**) = tính từ chỉ số đếm;  
*Lính thú mười người* = **mười** người lính thú.
- 6207 *Lom khom dưới núi, tiều vài chú;*  
*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*  
Bà Huyện Thanh Quan  
**vài, mấy** = các tính từ chỉ số đếm;  
*tiều vài chú* = **vài** chú tiều;  
*chợ mấy nhà* = **mấy** nhà chợ.
- 6208 *Thương em chẳng luận chồng con mấy đời.*  
Ca dao  
**mấy** = tính từ chỉ số lượng;  
*chồng con mấy đời* = **mấy** đời chồng con.

### 3 Trạng từ có thể đứng trước động từ, hoặc đứng ở đâu đó trong câu

- 6209 *Đồ tể nhuyển của riêng tây,  
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.*  
Nguyễn Du  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*[Họ] vét sạch sành sanh đồ tể nhuyển của riêng tây cho đầy túi tham.*  
**vét** = động từ;  
**Sạch sành sanh** = trạng từ, cho thông tin về động từ *vét*.  
▲ *Trạng từ đứng trước động từ mà nó cho thông tin.*
- 6210 *Nghĩ tội thương sau này mãi mãi  
Quanh mô ta, trắng phải lang thang.*  
Tô Thùy Yên  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*[Ta] nghĩ tội thương trắng phải lang thang quanh mô ta sau này mãi mãi.*  
**phải lang thang** = động từ;  
**sau này mãi mãi** = trạng từ, cho thông tin về động từ *phải lang thang*.  
▲ *Trạng từ có thể đứng ở đâu đó trong câu.*
- 6211 *Người lên ngựa, kẻ chia bào;  
Rừng phong\*, thu đã nhuộm màu quan san.*  
Nguyễn Du  
\***phong** (maple) = loại cây xứ lạnh; lá phong ngã màu vàng nâu đỏ vào mùa thu.  
Câu dưới được hiểu như sau:  
*Mùa thu đã nhuộm quan san bằng màu của rừng phong.*  
**nhuộm** = động từ;  
**Rừng phong** = danh từ, dùng như trạng từ, cho thông tin về động từ *nhuộm*.  
▲ *Trạng từ đứng trước động từ mà nó cho thông tin.*
- 6212 *Phận hồng nhan có mong manh  
Nửa chừng xuân thoát gậy cành thiên hương.*  
Nguyễn Du  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Phận hồng nhan có mong manh  
Cành thiên hương thoát gậy nửa chừng xuân.*  
**thoát gậy** = động từ;  
**nửa chừng xuân** = trạng từ, cho thông tin về động từ *thoát gậy*.  
▲ *Trạng từ đứng trước động từ mà nó cho thông tin.*



#### 4 Túc từ có thể đứng trước động từ

---

6213 *Bức tranh ấy chàng mới vẽ hôm kia.*

Nhất Linh

Viết theo chiều xuôi, sẽ là:

*Chàng mới vẽ bức tranh ấy hôm kia.*

**vẽ** = động từ;

**Bức tranh ấy** = túc từ của động từ **vẽ**.

▲ *Túc từ đứng trước động từ.*

6214 *Rượu hồng em uống cho say*

*Vui cùng chị một vài giây cuối cùng.*

Nguyễn Bính

Viết theo chiều xuôi, sẽ là:

*Em uống rượu hồng cho say.*

**uống** = động từ;

**Rượu hồng** = túc từ của động từ **uống**.

▲ *Túc từ đứng trước động từ.*

6215 *Áo anh sứt chỉ đường tà*

*Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu.*

Ca dao

Có thể chấm câu cho đúng, như sau:

*Áo anh sứt chỉ đường tà;*

*Vợ, anh chưa có; mẹ già chưa khâu.*

(Anh **chưa có** vợ; mẹ già chưa khâu.)

**chưa có** = động từ;

**Vợ** = túc từ của động từ **chưa có**.

▲ *Túc từ đứng trước động từ.*

6216 *Hạc vàng ai cỡi đi đâu*

*Mà nay Hoàng Hạc riêng lâu còn trở?*

Tản Đà, thơ dịch

Viết theo chiều xuôi, sẽ là:

*Ai cỡi hạc vàng đi đâu?*

**cỡi** = động từ;

**Hạc vàng** = túc từ của động từ **cỡi**.

▲ *Túc từ đứng trước động từ.*

- 6217 *Em ơi, em ở lại nhà*  
*Vườn dâu em đón, mẹ già em thương.*  
 Nguyễn Bính  
 Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Em ơi, em ở lại nhà*  
*Em đón vườn dâu, em thương mẹ già.*  
**đón, thương** = các động từ;  
**Vườn dâu** = túc từ của động từ *đón*;  
**mẹ già** = túc từ của động từ *thương*.  
 ▲ *Túc từ đứng trước động từ.*
- 6218 *Mây hồng ngừng lại sau đèo,*  
*Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi.*  
 Huy Cận  
 Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Mây hồng ngừng lại sau đèo,*  
*Nắng nhuộm mình cây, bóng chiều không đi.*  
**nhuộm** = động từ;  
**Mình cây** = túc từ của động từ *nhuộm*.  
 ▲ *Túc từ đứng trước động từ.*
- 6219 *Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,*  
*Cùng nhau đan dứu mấy đêm ngày.*  
 Tú Xương  
 Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Nghĩ cái thú cô đầu cũng hay,*  
**nghĩ** = động từ;  
**Cái thú cô đầu** = túc từ của động từ *nghĩ*.  
 ▲ *Túc từ đứng trước động từ.*
- 6220 *Da trời ai nhuộm mà lam,*  
*Tình ta ai nhuộm ai làm cho phai?*  
 Nguyễn Bính  
 Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Ai nhuộm da trời mà lam,*  
*Ai nhuộm tình ta ai làm cho phai?*  
**nhuộm** = động từ;  
**Da trời, Tình ta** = các túc từ của động từ *nhuộm*.  
 ▲ *Túc từ đứng trước động từ.*

## 5 Động từ có thể đứng trước chủ từ

---

- 6221 *Nhưng không chết người trai khói lửa  
Mà chết người gái nhỏ hậu phương.*  
Hữu Loan  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Nhưng người trai khói lửa không chết  
Mà người gái nhỏ hậu phương chết.*  
**chết** = động từ;  
**người trai khói lửa** = chủ từ của động từ *không chết*;  
**người gái nhỏ hậu phương** = chủ từ của động từ *chết*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*
- 6222 *Bên thì mấy ả mày ngài,  
Bên thì ngôi bốn năm người làng chơi.*  
Nguyễn Du  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Bên thì bốn năm người làng chơi ngôi.*  
**ngôi** = động từ;  
**bốn năm người làng chơi** = chủ từ của động từ *ngôi*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*
- 6223 *Nào hay chưa hết trần duyên,  
Trong mê đường đã đứng bên một nàng.*  
Nguyễn Du  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Trong mê đường đã một nàng đứng bên.*  
**đứng bên** = động từ;  
**một nàng** = chủ từ của động từ *đứng bên*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*
- 6224 *Ban ngày sáp thấp hai bên,  
Giữa giường thất bảo ngôi trên một bà.*  
Nguyễn Du  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Giữa giường thất bảo một bà ngôi trên.*  
**ngôi trên** = động từ;  
**một bà** = chủ từ của động từ *ngôi trên*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*

- 6225 *Đỗ bờ sông vắng con thuyền bé  
Cạnh lớp lau già gió lất lay.*  
Thế Lữ  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Con thuyền bé đỗ bờ sông vắng.*  
**đỗ** = động từ;  
**con thuyền bé** = chủ từ của động từ *đỗ*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*
- 6226 *Phận hồng nhan có mong manh  
Nửa chừng xuân thoát gảy cành thiên hương.*  
Nguyễn Du  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Cành thiên hương thoát gảy nửa chừng xuân.*  
**thoát gảy** = động từ;  
**cành thiên hương** = chủ từ của động từ *thoát gảy*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*
- 6227 *Ánh xuân lướt cỏ xanh tươi,  
Bên rừng thổi sáo một hai kim đồng.*  
Thế Lữ  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Một hai kim đồng thổi sáo bên rừng.*  
**thổi sáo** = động từ;  
**một hai kim đồng** = chủ từ của động từ *thổi sáo*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*
- 6228 *Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng,  
Nách tường bông liễu bay sang láng giềng.*  
Nguyễn Du  
Viết theo chiều xuôi, sẽ là:  
*Oanh vàng thỏ thẻ ngoài song,*  
**thỏ thẻ** = động từ;  
**oanh vàng** = chủ từ của động từ *thỏ thẻ*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*
- 6229 *Cơn gió thổi. Lá bàng rơi lác đác,  
Cùng rơi theo giọt nước đọng trên cành.*  
Thế Lữ  
*Giọt nước đọng trên cành cùng rơi theo.*  
**cùng rơi theo** = động từ;  
**giọt nước đọng trên cành** = chủ từ của động từ *cùng rơi theo*.  
▲ *Động từ đứng trước chủ từ.*

Các ví dụ trích dẫn cho thấy, trước khi chịu ảnh hưởng của Tiếng Pháp, các nhà thơ thuộc *Văn Học Chữ Nôm*, như Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Tú Xương, Nguyễn Đình Chiểu . . . mặc dầu bị gò bó trong khuôn khổ của thơ xưa, đã viết xuôi, viết ngược, ngắt chữ, và ngắt câu, *một cách rất tự do*. Kể cả dân gian không tên tuổi, cũng đã làm ca dao như vậy.

Tiếng Việt, một ngôn ngữ không biến dạng, tỏ ra kém chính xác hơn Tiếng Anh và Tiếng Pháp, là các ngôn ngữ biến dạng. Bù lại, Tiếng Việt cho thấy rất uyển chuyển trong cách ghép chữ, trong cấu trúc của câu, và trong cách viết.

Một vài người nghiên cứu Tiếng Việt, đã không dựa vào những gì dân gian Việt Nam *đã nói và đã viết*, cho rằng Tiếng Việt phải “viết theo chiều xuôi.” Những người này cũng cho rằng Tiếng Việt chỉ có *thể tác động* (*active voice*), và không có *thể thụ động* (*passive voice*). Theo “quan niệm” riêng của họ, viết theo thể thụ động là “bắt chước” Tiếng Pháp; thậm chí, viết theo thể thụ động thì “không phải là Tiếng Việt.”

- *Nếu không có thể thụ động, Tiếng Việt đã không có các chữ như được, bị, bởi . . . Ai có thể chứng minh rằng các chữ này chỉ mới có mặt, sau khi chịu ảnh hưởng của Tiếng Pháp?*

Sau khi chịu ảnh hưởng của Tiếng Pháp, Tiếng Việt đã phát triển cách viết, như dùng nhiều thể thụ động hơn, dùng chấm câu, và nhiều cách diễn tả những ý nghĩ phức tạp một cách khúc chiết. Nhờ đó, Tiếng Việt phát triển, tiến hóa, và vươn tới sự chính xác cần thiết trong thể văn thông tin (sách giáo khoa, tài liệu nghiên cứu, báo chí, văn kiện pháp luật), như ngày nay.

*Lúc nào cũng dùng cách viết theo chiều xuôi, và chỉ theo thể tác động, ngôn ngữ sẽ trở nên cứng nhắc, giống như một người mặc áo thụng quanh năm, bất kể bốn mùa xuân hạ thu đông.*

Người ta coi ngôn ngữ như một sinh vật. Là sản phẩm của xã hội, ngôn ngữ phát triển và tiến hóa theo đà tiến hóa của xã hội. Ngôn ngữ hoạt động theo các định luật của nó. Không ai có thể nhốt ngôn ngữ bằng những nguyên tắc hay quy tắc do họ tự ý đặt ra. Nhốt ngôn ngữ chẳng khác nào “nhốt gió,” nói theo ngôn ngữ của Bình Nguyên Lộc.

Một vài nhà ngôn ngữ học trong nước, quen lối suy nghĩ một chiều của những người cộng sản, thường cho rằng phải viết *như thế này* mới là Tiếng Việt, còn viết *như thế kia* thì “không phải là Tiếng Việt.” Ngôn ngữ, cũng như con người, chỉ có thể phát triển và tiến hóa trong một *môi trường tự do*. Bị nhốt trong ao tù nước đọng, Tiếng Việt không thể phát triển và tiến hóa được; hãy để cho Tiếng Việt chảy ra biển cả mênh mông.

***Không phải đợi đến hôm nay, mà từ xưa, Người Việt đã viết Tiếng Việt một cách tự do.***

Viết không gò bó, *viết tự do*, đó là cách tốt nhất để mở đường cho ngôn ngữ Việt Nam phát triển. Hãy nghe Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ cổ điển, buông một câu thơ như Người Anh viết Tiếng Anh:

*Vợ Tiên là Trục chị dâu.*

*The wife of Tien is Truc's sister-in-law.*

Sau đây là một vài ví dụ về sự cần thiết của *thể thụ động*, khi người nói hay viết, muốn tạo tác dụng thẩm mỹ cho ngôn ngữ. Người đọc có thể nhận xét về *tác dụng thẩm mỹ* của thể tác động và thể thụ động, trong các trường hợp sau đây.

- Một nhân viên khách sạn đưa thức ăn lên phòng riêng, theo lời yêu cầu của khách hàng, là một người đàn bà. Anh ta có thể chọn một trong hai cách nói:
  - *Thưa Bà, tôi phục vụ bà.* (thể tác động)
  - *Thưa Bà, bà được phục vụ.* (thể thụ động)
- Hai câu quảng cáo tại hai khách sạn khác nhau:
  - Chúng tôi sẽ phục vụ quý khách chu đáo*
  - Quý khách sẽ được phục vụ chu đáo.*
- Một cô gái có hai cách để nói với bạn trai:
  - *Em muốn đi chơi Đà Lạt với anh.*
  - *Em muốn được đi chơi Đà Lạt với anh.*
- Một nguyên thủ quốc gia được chánh phủ Pháp mời đến thăm Nước Pháp. Được tiếp đón trọng thể tại phi trường Orly, ông ta có hai cách để nói lời chào mừng đầu tiên:
  - Tôi rất vui mừng nhìn thấy đất nước của Tự Do, Bình Đẳng, và Hữu Nghị.*
  - Tôi rất vui mừng được nhìn thấy đất nước của Tự Do, Bình Đẳng, và Hữu Nghị.*

Có những trường hợp, người ta không thể không dùng thể thụ động.

- *Dưới chế độ cộng sản tại Việt Nam, hàng trăm ngàn con gái Việt Nam bị bán làm nô lệ tình dục tại nhiều nước.*
- *Lò xo bị đè sẽ sanh ra phản lực.*

Nói tóm lại, mỗi thể cách, *tác động* hay *thụ động*, có giá trị thẩm mỹ riêng của nó. Không thể nói, thể cách nào là “hay” hay “dở.”

*Những gù dân gian Việt Nam đã nói và đã viết, là Tiếng Việt. Cho rằng phải viết như thế này hay phải viết như thế kia, thì “mới là Tiếng Việt,” đó là cách nhốt Tiếng Việt trong ao tù nước đọng.*

*Lịch sử văn học cho thấy, dân gian bình dân, những người làm ca dao, những nhà thơ, ngày xưa và hôm nay, và các nhạc sĩ, thường là những người khai mở cách viết tự do cho Tiếng Việt, và đẩy Tiếng Việt đi tới.*

## Hãy xem Tiếng Việt tiến hóa

Dưới đây là những câu Tiếng Việt viết bởi một số sinh viên nước ngoài, học Tiếng Việt tại Hà Nội, từ bài báo *Lỗi loại từ trong tiếng Việt của người nước ngoài*, của tác giả Nguyễn Thiện Nam, trên trang nhà [www.talawas.org](http://www.talawas.org), 8/28/2006.

- (1) *Bên bờ hồ Xuân Hương có những liễu rủ thướt tha. (Nhật)*
- (2) *Bài hát Việt Nam rất hay, nhất là những dân ca. (Hung)*
- (3) *Lịch sử Việt Nam là lịch sử về những chiến tranh. (Nga)*
- (4) *Khi đi bằng tàu biển chúng tôi có thể thấy những đảo rất đẹp. (Trung Quốc)*
- (5) *Trong biển, tôi nhìn thấy những cá đẹp. (Mỹ)*
- (6) *Tôi không biết những sách này của ai. (Mỹ)*
- (7) *Những dê này chạy nhảy và ăn lá. (Căm Pu Chia)*

Có lẽ những ngôn ngữ Nhật, Hung, Nga, Trung Quốc, Mỹ, và Căm Pu Chia, không có loại chữ gọi là “loại từ,” như ngôn ngữ Việt Nam. Bởi vậy, tất cả những câu trên không có “loại từ.” Bỏ hết các “loại từ,” là *loại chữ có thể bỏ đi* trong Tiếng Việt, những sinh viên nước ngoài đã viết Tiếng Việt một cách *giản dị, rõ ràng, và ngắn gọn*.

Diễn tả cùng một ý, Người Việt có thể viết theo nhiều cách khác nhau:

- |  |                  |
|--|------------------|
| <i>Cái sự phát triển của chữ quốc ngữ đã trải dài hơn 200 năm.</i> | (Đầu Thế Kỷ 20)  |
| <i>Sự phát triển của chữ quốc ngữ đã trải dài hơn 200 năm.</i>     | (Giữa Thế Kỷ 20) |
| <i>Phát triển chữ quốc ngữ trải dài hơn 200 năm.</i>               | (Cuối Thế Kỷ 20) |
- Phát triển chữ quốc ngữ = danh từ nhóm;  
bỏ mạo từ **Sự**, và tính lược giới từ **của**;  
bỏ trợ từ **đã**, và hiểu ngầm thời gian của động từ *trải dài*.

Có thể nói, theo đà tiến hóa, những đặc tính của *Tiếng Việt của ngày mai*, là:

- *Bỏ các “loại từ” (những chữ có thể bỏ đi);*
- *Bỏ, hoặc tính lược, các mạo từ **sự, cái, con**, và các **giới từ**, trong trường hợp có thể được;*
- *Hiểu ngầm thời gian của động từ, nghĩa là bỏ các trợ từ **đã, đang**, và **sẽ**, trong trường hợp có thể được;*
- *Dùng **chấm câu** để tạo mạch lạc, và rõ ràng, cho ngôn ngữ.*

Trong bài báo đã dẫn, tác giả, người dạy học, cho rằng 7 câu Tiếng Việt của những sinh viên nước ngoài viết, đều “có lỗi,” vì họ không dùng “loại từ” đứng trước danh từ. Nếu cho rằng 7 câu trên đây là “có lỗi,” người ta phải kết luận rằng những nhà thơ Việt Nam, ngày xưa và hôm nay, đều “có lỗi,” vì không dùng “loại từ” đứng trước danh từ.

Ví dụ

**Các nhà thơ Việt Nam viết**

*Một đèo, một đèo, lại một đèo  
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.*  
Hồ Xuân Hương

*Chiếu xanh trải xuống mà ngồi  
Em ơi, xích lại gần tôi kéo buồn!*  
Ca dao

*thà như giọt mưa  
vỡ trên tượng đá*  
Nguyễn Tất Nhiên

*Ai đâu trở lại mùa thu trước  
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng.*  
Chế Lan Viên

*Mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng  
Trôi thây về xa tận cõi vô biên.*  
Hàn Mặc Tử

*Cái ngủ mày ngủ cho lâu  
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về.*  
Ca dao

*Bộ Binh Bộ Hộ Bộ Hình  
Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi.*  
Ca dao

*Thằng Bờm có cái quạt mo  
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.*  
Ca dao

*Gió rủ canh đi, ngàn liễu khóc  
Sông đùa lạnh tới, bóng trăng run . . .*  
Quách Tấn

*chiều này trời mưa trên tóc nhuộm . . .*  
Nguyễn Tất Nhiên

**Nhưng không cần viết**

*Một **ngọn** đèo, một **ngọn** đèo, lại một **ngọn** đèo  
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.*

***Chiếc** chiếu xanh trải xuống mà ngồi  
Em ơi, xích lại gần tôi kéo buồn!*

*thà như giọt mưa  
vỡ trên **pho** tượng đá*

*Ai đâu trở lại mùa thu trước  
Nhặt lấy cho tôi những **chiếc** lá vàng.*

***Đám** mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng  
Trôi thây về xa tận cõi vô biên.*

*Cái **giấc** ngủ mày ngủ cho lâu  
Mẹ mày đi cấy **đám** ruộng sâu chưa về.*

*Bộ Binh Bộ Hộ Bộ Hình  
Ba bộ đồng tình bóp **chiếc** vú con tôi.*

*Thằng Bờm có cái quạt mo  
Phú ông xin đổi ba **con** bò chín **con** trâu.*

***Cơn** gió rủ canh đi, ngàn **cây** liễu khóc  
**Con** sông đùa **cơn** lạnh tới, **chiếc** bóng trăng run . . .*

***buổi** chiều này trời mưa trên **mái** tóc nhuộm . . .*

Có thể nói, các sinh viên nước ngoài kể trên **đã tiến trước số đông Người Việt**, kể cả các giáo sư Người Việt dạy Tiếng Việt cho họ: họ đã viết Tiếng Việt mới, Tiếng Việt tiến hóa, Tiếng Việt của ngày mai, **giản dị, rõ ràng, và ngắn gọn.**

*Tiếng Việt không cứng nhắc; Tiếng Việt rất uyển chuyển.*



## 6.3 Tiếng Việt biến hóa

Các đặc tính ngôn ngữ học của Tiếng Việt, *đơn âm*, *đa từ*, và *không biến dạng*, là các yếu tố làm cho Tiếng Việt trở nên một ngôn ngữ biến hóa, bằng hai cách:

- 1 *Hoán vị chữ* (permutation/ *permutation*)
- 2 *Chấm câu* (punctuation/ *ponctuation*)

### 1 Hoán vị chữ

---

Rất nhiều chữ đôi có thể hoán vị, nhưng vẫn có cùng một nghĩa.

Ví dụ,

<i>nhỏ bé</i>	=	<i>bé nhỏ</i>
<i>thương yêu</i>	=	<i>yêu thương</i>
<i>đợi chờ</i>	=	<i>chờ đợi</i>
<i>giữ gìn</i>	=	<i>gìn giữ</i>
<i>dâu bể</i>	=	<i>bể dâu</i>

Một câu ngắn gồm có 4 chữ, chẳng hạn, có thể được hoán vị chữ, để thành 24 câu khác, và tạo ra nhiều ý nghĩa khác. Một số lớn trong 24 câu đều có nghĩa. Điều kiện để được hoán vị chữ, thành những câu có ý nghĩa khác, là câu 4 chữ phải chứa 2 *sự kiện*.

**Ví dụ 1**, hoán vị chữ của câu

*Sai đâu sửa đấy.* (có 2 sự kiện, là *sai* và *sửa*)

$$P = 4! = 24$$

1	<i>Sai đâu sửa đấy</i>	13	<i>Sửa đấy sai đâu</i>
2	<i>Sai sửa đấy đâu</i>	14	<i>Sửa sai đâu đấy</i>
3	<i>Sai đấy đâu sửa</i>	15	<i>Sửa đâu đấy sai</i>
4	<i>Sai sửa đâu đấy</i>	16	<i>Sửa đấy đâu sai</i>
5	<i>Sai đấy sửa đâu</i>	17	<i>Sửa sai đấy đâu</i>
6	<i>Sai đâu đấy sửa</i>	18	<i>Sửa đâu sai đấy</i>
7	<i>Đâu sửa đấy sai</i>	19	<i>Đấy sai đâu sửa</i>
8	<i>Đâu đấy sai sửa</i>	20	<i>Đấy đâu sửa sai</i>
9	<i>Đâu sai sửa đấy</i>	21	<i>Đấy sửa sai đâu</i>
10	<i>Đâu đấy sửa sai</i>	22	<i>Đấy sai sửa đâu</i>
11	<i>Đâu sai đấy sửa</i>	23	<i>Đấy sửa đâu sai</i>
12	<i>Đâu sửa sai đấy</i>	24	<i>Đấy đâu sai sửa</i>

Ví dụ 2, hoán vị chữ của câu

*Ăn no lại nằm.*

(có 2 sự kiện, là *ăn* và *nằm*)

1	<i>Ăn no lại nằm</i>	13	<i>Lại nằm ăn no</i>
2	<i>Ăn lại nằm no</i>	14	<i>Lại ăn no nằm</i>
3	<i>Ăn nằm no lại</i>	15	<i>Lại no nằm ăn</i>
4	<i>Ăn lại no nằm</i>	16	<i>Lại nằm no ăn</i>
5	<i>Ăn nằm lại no</i>	17	<i>Lại ăn nằm no</i>
6	<i>Ăn no nằm lại</i>	18	<i>Lại no ăn nằm</i>
7	<i>No lại nằm ăn</i>	19	<i>Nằm ăn no lại</i>
8	<i>No nằm ăn lại</i>	20	<i>Nằm no lại ăn</i>
9	<i>No ăn lại nằm</i>	21	<i>Nằm lại ăn no</i>
10	<i>No nằm lại ăn</i>	22	<i>Nằm ăn lại no</i>
11	<i>No ăn nằm lại</i>	23	<i>Nằm lại no ăn</i>
12	<i>No lại ăn nằm</i>	24	<i>Nằm no ăn lại</i>

Vì Tiếng Việt *không biến dạng*,

- một chữ có thể là *danh từ, đại từ, động từ, tính từ, trạng từ . . .*

Vì Tiếng Việt là *ngôn ngữ đa từ*,

- hai hoặc nhiều chữ phối hợp một cách khác, sẽ tạo nên *một nghĩa mới*.

Đó là hai nguyên nhân làm cho Tiếng Việt có đặc tính *biến hóa* khi được hoán vị chữ.

## 2 Chấm câu

---

Trong một câu Tiếng Anh và Tiếng Pháp, là các *ngôn ngữ đơn từ và biến dạng (monolexic & inflectional)*, các dấu chấm câu phải được đặt đúng chỗ, và chính xác. Điều đó có nghĩa là, người ta không thể đổi chỗ của các dấu chấm câu, cũng như không thể thay thế một dấu chấm câu này bằng một dấu chấm câu khác.

Trong một câu Tiếng Việt, là một *ngôn ngữ đa từ và không biến dạng (polylexemic & non-inflectional)*, người ta có thể đổi chỗ các dấu chấm câu, cũng như có thể thay thế một dấu chấm câu này bằng một dấu chấm câu khác.

**Thay đổi cách chấm câu trong một câu Tiếng Việt, sẽ dẫn đến:** (1) các chữ trong câu sẽ được phối hợp lại một cách khác, và (2) thay đổi tên gọi văn phạm của các chữ trong câu ấy, và sẽ làm cho câu ấy mang một **ý nghĩa mới**, khác hẳn với ý nghĩa ban đầu.

Đó là đặc tính *biến hóa* của Tiếng Việt, như một ngôn ngữ đa từ và không biến dạng.

**Ví dụ 1****1A** *No lại ăn, nằm.*

As they are well fed, they resume eating and sleeping.

*Comme ils sont bien nourris, ils reprennent l'acte de manger et de se coucher.*

**1B** *No, lại ăn nằm!*

As they are well fed, they resume making love!

*Comme ils sont bien nourris, ils reprennent l'acte d'amour!*

**2A** *Nằm lại, ăn no.*

Stay here, then you will be well fed.

*Restez ici, et alors vous serez bien nourris.*

**2B** *Nằm, lại ăn no!*

They are idle, yet they are well fed!

*Ils sont paresseux, et cependant ils sont bien nourris!*

**3A** *No ăn, nằm lại.*

As you are well fed, stay here.

*Comme vous êtes bien nourris, restez ici.*

**3B** *No, ăn nằm lại!*

As you are well fed, resume making love again!

*Comme vous êtes bien nourris, reprenez encore l'acte d'amour!*

**Ví dụ 2**

Một người ăn xin cất tiếng kêu xin như sau (không cho thấy dấu chấm câu):

*ông lạy ông bà lạy bà xin ông bà làm phước bố thí . . .*

Lời kêu xin này có thể được hiểu theo 2 nghĩa khác nhau, tùy theo cách chấm câu.

- *Ông lạy ông; bà lạy bà. Xin ông bà làm phước bố thí . . .*

(*Ông [hãy] lạy ông; bà [hãy] lạy bà. Xin ông bà làm phước bố thí . . .*)

- *Ông, lạy Ông! Bà, lạy Bà! Xin ông bà làm phước bố thí . . .*

(*[Thưa] Ông, [con] lạy Ông! [Thưa] Bà, [con] lạy Bà! Xin ông bà làm phước bố thí . . .*)

**Ví dụ 3**

Ngày xưa, Chữ Hán và Chữ Nôm không có dấu chấm câu. Một lời di chúc viết như sau,

gia tài hứa giao tử tế ngoại nhân bất đắc tương tranh (Hán)

gia tài để lại cho con rể người ngoài không được tranh giành (Nôm)

Có thể có 3 cách chấm câu, để tạo ra 3 ý nghĩa khác nhau.

- (1) **Gia tài để lại cho con, rể; người ngoài không được tranh giành.**  
 (Gia tài để lại cho con [và] rể; người ngoài không được tranh giành.)  
 Succession is legated to the children and sons-in-law; the persons outside the family do not have the right of inheritance.  
*Succession est léguée aux enfants et gendres; les personnes extra-familiales n'ont pas le droit d'y prétendre.*
- (2) **Gia tài để lại cho con; rể, người ngoài không được tranh giành.**  
 (Gia tài để lại cho con; rể [và] người ngoài không được tranh giành.)  
 Succession is legated to the children; the sons-in-law and the persons outside the family do not have the right of inheritance.  
*Succession est léguée aux enfants; les gendres et les personnes extra-familiales n'ont pas le droit d'y prétendre.*
- (3) **Gia tài để lại cho con. Rể – người ngoài – không được tranh giành.**  
 (Gia tài để lại cho con. Rể, [là] người ngoài, không được tranh giành.)  
 Succession is legated to the children. The sons-in-law, who are outside the family, do not have the right of inheritance.  
*Succession est léguée aux enfants. Les gendres, qui sont les personnes extra-familiales, n'ont pas le droit d'y prétendre.*

### **3 Không biến dạng (một hình thức hoán vị chữ)**

Biến hóa vì không biến dạng: một chữ có thể là danh từ, động từ, tính từ, trạng từ . . .

*Vợ cả*<sup>(1)</sup> *vợ hai*<sup>(2)</sup>, *hai*<sup>(3)</sup> *vợ đều là vợ cả*<sup>(4)</sup>;

*Con nuôi*<sup>(5)</sup> *con đẻ*<sup>(6)</sup>, *đẻ*<sup>(7)</sup> *con chó cậy con nuôi*<sup>(8)</sup>.

*cả*<sup>(1)</sup> = tính từ, có nghĩa là *dầu tiên, lớn nhất*;

*cả*<sup>(4)</sup> = trạng từ, có nghĩa là *gồm hết, cả thảy*;

*hai*<sup>(2)</sup> = tính từ chỉ số thứ tự, có nghĩa là *thứ nhì*;

*hai*<sup>(3)</sup> = tính từ chỉ số đếm;

*nuôi*<sup>(5)</sup> = tính từ, có nghĩa là *con của người khác do mình nuôi*;

*nuôi*<sup>(8)</sup> = động từ;

*đẻ*<sup>(6)</sup> = tính từ, có nghĩa là *con do mình đẻ ra*;

*đẻ*<sup>(7)</sup> = động từ.

**H ậ n g t ừ c ấ t – key terms/ termes clé**

1	biến dạng	inflection; inflectional <i>inflexion; inflexionnel, elle</i>
2	cấu trúc	structure <i>structure</i>
3	cấu trúc uyển chuyển	flexible/ supple structure <i>structure flexible/ souple</i>
4	cấu trúc Hán	Chinese structure <i>structure chinoise</i>
5	cấu trúc Việt	Vietnamese structure <i>structure vietnamienne</i>
6	chấm câu	punctuation <i>punctuation</i>
7	chữ chiếc	simple word <i>mot simple</i>
8	chữ ghép	compound word <i>mot composé</i>
9	chữ chính	main word <i>mot principal</i>
10	chữ phụ	secondary word <i>mot secondaire</i>
11	chữ đôi ba rọi	pidgin Vietnamese <i>petit-nègre</i>
12	chữ đôi đảo ngược	compound word derived from inversion <i>mot composé formé par interversion</i>
13	chữ đôi tách rời	words derived from breaking up of compound word <i>mots formés par décomposition du mot composé</i>
14	chữ pha trộn Việt Hán	Sino-Vietnamese word <i>mot sino-vietnamien</i>
15	đa từ	polylexemic <i>polylexémique</i>
16	hoán vị chữ	permutation of words <i>permutation de mots</i>
17	không biến dạng	non-inflection; non-inflectional <i>non-inflexion; non-inflexionnel, elle</i>
18	ngôn ngữ biến hóa	language of metamorphosis <i>langage de métamorphose</i>
19	Việt hóa	Vietnamize; Vietnamized <i>vietnamiser; vietnamisé</i>